

KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 01 / 014

- Tên mẫu
Name of sample : **MẪU NƯỚC LỌC ĐẦU NGUỒN TRẠM ĐẠI PHƯỚC**
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 10h30 - 11/09/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 01;
Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 01;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi nhựa vô trùng;
Container: plastic bottle, plastic bag vô trùng;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 11/09/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/09/2025 – 29/09/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / *See next page*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 02 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	344	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	92,3	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.3	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,37	-	Không phù hợp (Không đạt) Fail
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,07	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.6	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005	Phù hợp (Đạt) Pass
7.7	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	120	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.8	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 03 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.9	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.10	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005	Phù hợp (Đạt) Pass
7.11	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	< 0,1 (**)	0,03	Phù hợp (Đạt) Pass
7.12	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	0,03	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.13	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.14	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	0,07	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002	Phù hợp (Đạt) Pass
7.16	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	< 0,005 (**)	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.17	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	3,0	-	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 04 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.18	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.19	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,04	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.20	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	63,5	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.21	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	4,5	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.22	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.23	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QTTN/KT3 174 (US EPA Method 8321B)	9	KPH	5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.24	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226: 2024 (Ref. US EPA Method 8321B)	200	KPH	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.25	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224: 2024	0,5	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 05 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.26	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,4	KPH	0,15	Phù hợp (Đạt) Pass
7.27	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.28	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.29	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA Method 8321B	90	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.30	Hàm lượng dichloprop Dichloprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	100	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.31	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.32	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.33	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 06 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.34	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.35	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.36	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA Method 8321B	5	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.37	Hàm lượng chlopyrifos Chlopyrifos content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.38	Hàm lượng chlordane ⁽³⁾ Chlordane content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	0,2	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.39	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.40	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 07 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.41	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.42	Hàm lượng permethrin Permethrin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.43	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.44	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.45	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.46	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.47	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25	Phù hợp (Đạt) Pass
7.48	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 08 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.49	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	-	US EPA Method 536	100	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine-desisopropyl	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine-desethyl	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L		-	KPH	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.50	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110 D:2023	10	KPH	4,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.51	Hàm lượng axit monocloroaxetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.52	Hàm lượng axit dicloroaxetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	50	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.53	Hàm lượng axit tricloroaxetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	200	24,1	-	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 09 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.54	Hàm lượng dicloroaxetonitril <i>Dicloroaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	20	KPH	0,2	Phù hợp (Đạt) <i>Pass</i>
7.55	Hàm lượng dibromoaxetonitril <i>Dibromoaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	70	< 0,4 (**)	0,2	Phù hợp (Đạt) <i>Pass</i>
7.56	Hàm lượng tricloaxetonitril <i>Tricloroaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	1	KPH	0,2	Phù hợp (Đạt) <i>Pass</i>
7.57	Hàm lượng formaldehyde <i>Formaldehyde content</i>	µg/L	QUATEST3 1225:2024	500	KPH	100	Phù hợp (Đạt) <i>Pass</i>
7.58	Hàm lượng monocloramin <i>Monocloramine content</i>	mg/L	TCVN 6225-2:2021	3	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt) <i>Pass</i>
7.59	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng <i>Gross alpha Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	0,22	-	Không phù hợp (Không đạt) <i>Fail</i>
7.60	Hoạt độ phóng xạ beta tổng <i>Gross beta Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	< 0,6 (**)	0,2	Phù hợp (Đạt) <i>Pass</i>
7.61	Hàm lượng Bo (B) (tính chung cho cả Borat và Axit boric) <i>Boron content (Boron and boric acid)</i>	mg/L	US EPA Method 200.8	2,4	< 0,02 (**)	0,01	Phù hợp (Đạt) <i>Pass</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 010 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.62	Hàm lượng sulfur (S^{2-}) sulfur (sulfide) content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} , D:2023	0,05	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.63	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất (DDTs) DDTs content	-	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	1	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 4,4'-DDD	µg/L		-	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 4,4'-DDE	µg/L		-	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 4,4'-DDT	µg/L		-	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.64	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.65	Hàm lượng 1,2-dichloroetan 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	30	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.66	Hàm lượng 1,1,1-trichloroetan 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	2000	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 011 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.67	Hàm lượng carbontetraclorua Carbontetrachloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.68	Hàm lượng 1,2-dichloroeten 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	50	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.69	Hàm lượng trichloroeten Trichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	8	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.70	Hàm lượng tetrachloroeten Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.71	Hàm lượng vinyl clorua Vinyl chloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.72	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.73	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA Method 8260D	700	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.74	Hàm lượng xylen Xylene content	µg/L	US EPA Method 8260D	500	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ m+p-xylene	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 012 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
	+ o-xylene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.75	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.76	Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.77	Hàm lượng monoclorobenzen Monoclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.78	Hàm lượng 1,2-diclorobenzen 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1000	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.79	Hàm lượng trichlorobenzen Trichlorobenzen content		US EPA Method 8260D	20	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 1,2,3-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 1,2,4-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 1,3,5-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass

4. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 013 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.80	Hàm lượng hexacloro butadien <i>Hexacloro butadien content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	0,6	KPH	0,25	Phù hợp (Đạt) Pass
7.81	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 cloropropan <i>1,2-dibromo -3-chloropropan content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07	Phù hợp (Đạt) Pass
7.82	Hàm lượng 1,2-dicloropropan <i>1,2-dicloropropan content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.83	Hàm lượng 1,3-dicloropropen <i>1,3-dicloropropen content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.84	Hàm lượng bromoform <i>Bromoform content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	100	< 2 (**)	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.85	Hàm lượng dibromochloromethane <i>Dibromochloromethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.86	Hàm lượng bromodichloromethane <i>Bromodichloromethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	60	< 2 (**)	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.87	Hàm lượng chloroform <i>Chloroform content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.88	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1 (***)	-	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 014 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.89	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1 (***)	-	Phù hợp (Đạt) Pass

Ghi chú/ Notice:

(***) : Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result “<1 CFU” is considered “ target organism not-detectable” in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(3) Hàm lượng chlordane khảo sát trên các cấu tử sau/ Chlordane was determined based on the following compounds: α -chlordane, γ -chlordane

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National Technical Regulation on Domestic Water Quality

(**) : Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(4) Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$.

❖ Diễn giải kết quả/ Interpretation of results:

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 89 chỉ tiêu trên tổng số 99 chỉ tiêu (gồm 10 chỉ loại A và 89 chỉ tiêu loại B) được quy định trong QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Kết quả thử nghiệm của mẫu nước nêu tại mục 7. của Phiếu kết quả thử nghiệm cho thấy: ngoại trừ chỉ tiêu Hàm lượng nhôm (Al) mục 7.3 và Hoạt độ phóng xạ alpha tổng mục 7.59 có kết quả thử nghiệm không phù hợp với mức qui định, các chỉ tiêu còn lại đều phù hợp với mức qui định tương ứng với các chỉ tiêu trong QCVN 01-1:2024/BYT (chỉ tiêu loại B). / This testing reports recorded testing results of 89 per 99 test items (10 test items group A and 89 test items group B) as regulated in National technical regulation on Domestic Water Quality QCVN 01-1:2024/BYT. Test results of Sample water indicated on section No.7. shows that except for test: Aluminium content at item 7.3 and Gross alpha Radioactivity at item 7.59 have testing results are **NOT** conformed to specified limits, the remaining testing results are conformed to limits specified in QCVN 01-1:2024/BYT (items group B).

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 01 / 014

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC LỌC GIỮA NGUỒN TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI LỘC
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 10h45 - 11/09/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 01;
Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 01;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi nhựa vô trùng;
Container: plastic bottle, plastic bag vô trùng;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 11/09/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/09/2025 – 29/09/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 02 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	321	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	85,2	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.3	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,34	-	Không phù hợp (Không đạt) Fail
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,07	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.6	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005	Phù hợp (Đạt) Pass
7.7	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	120	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.8	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 03 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.9	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.10	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005	Phù hợp (Đạt) Pass
7.11	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	< 0,1 (**)	0,03	Phù hợp (Đạt) Pass
7.12	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	< 0,02 (**)	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.13	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.14	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	0,06	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002	Phù hợp (Đạt) Pass
7.16	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	< 0,005 (**)	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.17	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	2,7	-	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 04 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.18	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.19	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,04	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.20	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	58,7	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.21	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	4,0	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.22	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.23	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QTTN/KT3 174 (US EPA Method 8321B)	9	KPH	5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.24	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226: 2024 (Ref. US EPA Method 8321B)	200	KPH	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.25	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224: 2024	0,5	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 05 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.26	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,4	KPH	0,15	Phù hợp (Đạt) Pass
7.27	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.28	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.29	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA Method 8321B	90	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.30	Hàm lượng dichloprop Dichloprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	100	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.31	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.32	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.33	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 06 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.34	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.35	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.36	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA Method 8321B	5	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.37	Hàm lượng chlopyrifos Chlopyrifos content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.38	Hàm lượng chlordane ⁽³⁾ Chlordane content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	0,2	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.39	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.40	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 07 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.41	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.42	Hàm lượng permethrin Permethrin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.43	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.44	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.45	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.46	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.47	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25	Phù hợp (Đạt) Pass
7.48	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 08 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.49	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	-	US EPA Method 536	100	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine-desisopropyl	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine-desethyl	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L		-	KPH	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.50	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110 D:2023	10	KPH	4,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.51	Hàm lượng axit monocloroaxetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.52	Hàm lượng axit dicloroaxetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	50	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.53	Hàm lượng axit trichloroaxetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	200	17,8	-	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 09 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.54	Hàm lượng dicloroaxetonitril Dicloroaxetonitril content	µg/L	US EPA Method 551.1	20	KPH	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.55	Hàm lượng dibromoaxetonitril Dibromoaxetonitril content	µg/L	US EPA Method 551.1	70	< 0,4 (**)	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.56	Hàm lượng tricloaxetonitril Tricloaxetonitril content	µg/L	US EPA Method 551.1	1	KPH	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.57	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	500	KPH	100	Phù hợp (Đạt) Pass
7.58	Hàm lượng monocloramin Monocloramine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	3	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.59	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	0,23	-	Không phù hợp (Không đạt) Fail
7.60	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	< 0,6 (**)	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.61	Hàm lượng Bo (B) (tính chung cho cả Borat và Axit boric) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA Method 200.8	2,4	< 0,02 (**)	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 010 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.62	Hàm lượng sulfur (S^{2-}) sulfur (sulfide) content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} , D:2023	0,05	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.63	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất (DDTs) DDTs content	-	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	1	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 4,4'-DDD	µg/L		-	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 4,4'-DDE	µg/L		-	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 4,4'-DDT	µg/L		-	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.64	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.65	Hàm lượng 1,2-dichloroetan 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	30	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.66	Hàm lượng 1,1,1-trichloroetan 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	2000	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 011 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.67	Hàm lượng carbontetraclorua Carbontetrachloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.68	Hàm lượng 1,2-dichloroeten 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	50	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.69	Hàm lượng trichloroeten Trichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	8	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.70	Hàm lượng tetrachloroeten Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.71	Hàm lượng vinyl clorua Vinyl chloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.72	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.73	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA Method 8260D	700	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.74	Hàm lượng xylen Xylene content	µg/L	US EPA Method 8260D	500	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ m+p-xylen	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu, / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 012 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
	+ o-xylene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.75	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.76	Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.77	Hàm lượng monoclorobenzen Monoclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.78	Hàm lượng 1,2-diclorobenzen 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1000	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.79	Hàm lượng trichlorobenzen Trichlorobenzen content		US EPA Method 8260D	20	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 1,2,3-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 1,2,4-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 1,3,5-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 013 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.80	Hàm lượng hexacloro butadien Hexacloro butadien content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,6	KPH	0,25	Phù hợp (Đạt) Pass
7.81	Hàm lượng 1,2- dibromo-3 cloropropan 1,2-dibromo -3- chloropropan content	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07	Phù hợp (Đạt) Pass
7.82	Hàm lượng 1,2- dicloropropan 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.83	Hàm lượng 1,3- dicloropropen 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.84	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	< 2 (**)	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.85	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.86	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	60	< 2 (**)	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.87	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.88	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1 (***)	-	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 014 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.89	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1(***)	-	Phù hợp (Đạt) Pass

Ghi chú/ Notice:

(**): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result “<1 CFU” is considered “target organism not-detectable” in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(3) Hàm lượng chlordane khảo sát trên các cấu tử sau/ Chlordane was determined based on the following compounds: α -chlordane, γ -chlordane

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National Technical Regulation on Domestic Water Quality

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(4) Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$.

❖ Diễn giải kết quả/ Interpretation of results:

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 89 chỉ tiêu trên tổng số 99 chỉ tiêu (gồm 10 chỉ loại A và 89 chỉ tiêu loại B) được quy định trong QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Kết quả thử nghiệm của mẫu nước nêu tại mục 7. của Phiếu kết quả thử nghiệm cho thấy: ngoại trừ chỉ tiêu Hàm lượng nhôm (Al) mục 7.3 và Hoạt độ phóng xạ alpha tổng mục 7.59 có kết quả thử nghiệm không phù hợp với mức qui định, các chỉ tiêu còn lại đều phù hợp với mức qui định tương ứng với các chỉ tiêu trong QCVN 01-1:2024/BYT (chỉ tiêu loại B). / This testing reports recorded testing results of 89 per 99 test items (10 test items group A and 89 test items group B) as regulated in National technical regulation on Domestic Water Quality QCVN 01-1:2024/BYT. Test results of Sample water indicated on section No.7. shows that except for test: Aluminium content at item 7.3 and Gross alpha Radioactivity at item 7.59 have testing results are **NOT** conformed to specified limits, the remaining testing results are conformed to limits specified in QCVN 01-1:2024/BYT (items group B).

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025
 Trang/ Page 01 / 014

- Tên mẫu
Name of sample : **MẪU NƯỚC LỌC**
CUỐI NGUỒN
TRỤ CỨU HỎA SỐ 2 - XÃ ĐẠI PHƯỚC
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 10h55 - 11/09/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
 - Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
 - Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 01;
Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 01;
 - Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi nhựa vô trùng;
Container: plastic bottle, plastic bag vô trùng;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 11/09/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/09/2025 – 29/09/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / *See next page*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 02 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	282	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	75,0	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.3	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,29	-	Không phù hợp (Không đạt) Fail
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,06	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.6	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005	Phù hợp (Đạt) Pass
7.7	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	110	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.8	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 03 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.9	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.10	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005	Phù hợp (Đạt) Pass
7.11	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	< 0,1 (**)	0,03	Phù hợp (Đạt) Pass
7.12	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	< 0,02 (**)	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.13	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.14	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	0,06	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002	Phù hợp (Đạt) Pass
7.16	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.17	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	3,8	-	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 04 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.18	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.19	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,04	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass
7.20	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	51,6	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.21	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	3,8	-	Phù hợp (Đạt) Pass
7.22	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.23	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QTTN/KT3 174 (US EPA Method 8321B)	9	KPH	5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.24	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226: 2024 (Ref. US EPA Method 8321B)	200	KPH	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.25	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224: 2024	0,5	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 05 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.26	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,4	KPH	0,15	Phù hợp (Đạt) Pass
7.27	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.28	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.29	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA Method 8321B	90	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.30	Hàm lượng dichloprop Dichloprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	100	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.31	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.32	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.33	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 06 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.34	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.35	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.36	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA Method 8321B	5	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.37	Hàm lượng chlopyrifos Chlopyrifos content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.38	Hàm lượng chlordane ⁽³⁾ Chlordane content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	0,2	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.39	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.40	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 07 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.41	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.42	Hàm lượng permethrin Permethrin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.43	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.44	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.45	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.46	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.47	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25	Phù hợp (Đạt) Pass
7.48	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 08 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.49	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	-	US EPA Method 536	100	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine-desisopropyl	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine-desethyl	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L		-	KPH	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.50	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110 D:2023	10	KPH	4,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.51	Hàm lượng axit monocloroaxetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.52	Hàm lượng axit dicloroaxetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	50	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.53	Hàm lượng axit tricloroaxetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	200	15,6	-	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 09 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.54	Hàm lượng dicloroaxetonitril Dicloroaxetonitril content	µg/L	US EPA Method 551.1	20	KPH	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.55	Hàm lượng dibromoaxetonitril Dibromoaxetonitril content	µg/L	US EPA Method 551.1	70	< 0,4 (**)	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.56	Hàm lượng tricloaxetonitril Tricloaxetonitril content	µg/L	US EPA Method 551.1	1	KPH	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.57	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	500	KPH	100	Phù hợp (Đạt) Pass
7.58	Hàm lượng monocloramin Monocloramine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	3	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.59	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	0,23	-	Không phù hợp (Không đạt) Fail
7.60	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	< 0,6 (**)	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.61	Hàm lượng Bo (B) (tính chung cho cả Borat và Axit boric) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA Method 200.8	2,4	< 0,02 (**)	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 010 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.62	Hàm lượng sulfur (S^{2-}) sulfur (sulfide) content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} , D:2023	0,05	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.63	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất (DDTs) DDTs content	-	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	1	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 4,4'-DDD	µg/L		-	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 4,4'-DDE	µg/L		-	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 4,4'-DDT	µg/L		-	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.64	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.65	Hàm lượng 1,2-dichloroetan 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	30	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.66	Hàm lượng 1,1,1-trichloroetan 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	2000	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 011 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.67	Hàm lượng carbontetraclorea Carbontetrachloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.68	Hàm lượng 1,2-dichloroeten 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	50	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.69	Hàm lượng trichloroeten Trichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	8	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.70	Hàm lượng tetrachloroeten Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.71	Hàm lượng vinyl clorua Vinyl chloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.72	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.73	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA Method 8260D	700	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.74	Hàm lượng xylen Xylene content	µg/L	US EPA Method 8260D	500	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ m+p-xylen	µg/L		-	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 012 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
	+ o-xylene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.75	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.76	Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.77	Hàm lượng monoclorobenzen Monoclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.78	Hàm lượng 1,2- diclorobenzen 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1000	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.79	Hàm lượng trichlorobenzen Trichlorobenzen content		US EPA Method 8260D	20	-	-	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 1,2,3- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 1,2,4- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
	+ 1,3,5- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 013 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.80	Hàm lượng hexacloro butadien Hexacloro butadien content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,6	KPH	0,25	Phù hợp (Đạt) Pass
7.81	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 cloropropan 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07	Phù hợp (Đạt) Pass
7.82	Hàm lượng 1,2-dicloropropan 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.83	Hàm lượng 1,3-dicloropropen 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.84	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.85	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.86	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	60	< 2 (**)	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.87	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	< 2 (**)	1,0	Phù hợp (Đạt) Pass
7.88	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1 (***)	-	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 014 / 014

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.89	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1(***)	-	Phù hợp (Đạt) Pass

Ghi chú/ Notice:

(***): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result “<1 CFU” is considered “target organism not-detectable” in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(3) Hàm lượng chlordane khảo sát trên các cấu tử sau/ Chlordane was determined based on the following compounds: α -chlordane, γ -chlordane

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National Technical Regulation on Domestic Water Quality

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(4) Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$.

❖ Diễn giải kết quả/ Interpretation of results:

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 89 chỉ tiêu trên tổng số 99 chỉ tiêu (gồm 10 chỉ loại A và 89 chỉ tiêu loại B) được quy định trong QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Kết quả thử nghiệm của mẫu nước nêu tại mục 7. của Phiếu kết quả thử nghiệm cho thấy: ngoại trừ chỉ tiêu Hàm lượng nhôm (Al) mục 7.3 và Hoạt độ phóng xạ alpha tổng mục 7.59 có kết quả thử nghiệm không phù hợp với mức qui định, các chỉ tiêu còn lại đều phù hợp với mức qui định tương ứng với các chỉ tiêu trong QCVN 01-1:2024/BYT (chỉ tiêu loại B). / This testing reports recorded testing results of 89 per 99 test items (10 test items group A and 89 test items group B) as regulated in National technical regulation on Domestic Water Quality QCVN 01-1:2024/BYT. Test results of Sample water indicated on section No.7. shows that except for test: Aluminium content at item 7.3 and Gross alpha Radioactivity at item 7.59 have testing results are **NOT** conformed to specified limits, the remaining testing results are conformed to limits specified in QCVN 01-1:2024/BYT (items group B).

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-05634BMT5/4
(MT.2025.05804)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 01 / 06

- Tên mẫu
Name of sample : **MẪU NƯỚC THÔ TRẠM ĐẠI PHƯỚC**
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 11h10 - 11/09/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 01;
Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 01;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi nhựa vô trùng;
Container: plastic bottle, plastic bag vô trùng;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 11/09/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/09/2025 – 29/09/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB


Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt



KT3-05634BMT5/4
(MT.2025.05804)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 02 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 09:2023 /BTNMT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ pH ở 25 °C <i>pH value at 25 °C</i>	-	TCVN 6492:2011	5,8 - 8,5	4,2	-
7.2	Chỉ số permanganate (¹) <i>Permanganate index</i>	mg/L	TCVN 6186:1996	4	KPH	1,0
7.3	Tổng hàm lượng cặn hòa tan (TDS) <i>Total dissolved solids</i>	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1500	1,06 x 10 ³	-
7.4	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) (¹) <i>Total hardness</i>	mg/L	SMEWW 2340C:2023	500	110	-
7.5	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (¹) <i>Nitrite nitrogen content</i>	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1	KPH	0,03
7.6	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (¹) <i>Nitrate nitrogen content</i>	mg/L	SMEWW 4110B:2023	15	< 0,5 (**)	0,2
7.7	Hàm lượng florua (F ⁻) (¹) <i>Fluoride content</i>	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1	< 0,6 (**)	0,2
7.8	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) (¹) <i>Chloride content</i>	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	528	-
7.9	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) (¹) <i>Sulphate content</i>	mg/L	SMEWW 4110B:2023	400	4,1	-
7.10	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) (¹) <i>Cyanide content</i>	mg/L	TCVN 6181:1996	0,01	KPH	0,002
7.11	Hàm lượng asen (As) (¹) <i>Arsenic content</i>	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,05	KPH	0,0005

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-05634BMT5/4
(MT.2025.05804)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 03 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 09:2023 /BTNMT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.12	Hàm lượng Cadimi (Cd) ⁽¹⁾ Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	0,005	KPH	0,001
7.13	Hàm lượng Chì (Pb) ⁽¹⁾ Lead content	mg/L	US EPA 200.8	0,01	0,03	-
7.14	Hàm lượng đồng (Cu) ⁽¹⁾ Copper content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	1	KPH	0,01
7.15	Hàm lượng kẽm (Zn) ⁽¹⁾ Zinc content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	3	< 0,05 (**)	0,02
7.16	Hàm lượng niken (Ni) ⁽¹⁾ Nickel content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	0,02	0,02	-
7.17	Hàm lượng mangan (Mn) ⁽¹⁾ Manganese content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	0,5	0,28	-
7.18	Hàm lượng thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾ Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.19	Hàm lượng sắt (Fe) ⁽¹⁾ Iron content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	5	KPH	0,02
7.20	Hàm lượng selen (Se) ⁽¹⁾ Selenium content	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,01	KPH	0,003
7.21	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng ⁽¹⁾ Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	2,2	-
7.22	Hoạt độ phóng xạ beta tổng ⁽¹⁾ Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	2,2	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-05634BMT5/4
(MT.2025.05804)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 04 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 09:2023 /BTNMT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.23	Hàm lượng tổng Crom (Cr) ⁽¹⁾ Total chromium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KQĐ	KPH	0,005
7.24	Hàm lượng aldrin ⁽¹⁾ Aldrin content	µg/L	US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270E	0,0001	KPH	0,005
7.25	Hàm lượng Dieldrin ⁽¹⁾ Dieldrin content	µg/L	US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270E	0,0001	KPH	0,005
7.26	Hàm lượng dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs) ⁽¹⁾ Dichloro diphenyl trichloroethane content	µg/L	US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270E	0,001	-	-
	+ 4,4'-DDD	µg/L		-	KPH	0,005
	+ 4,4'-DDE	µg/L		-	KPH	0,005
	+ 4,4'-DDT	µg/L		-	KPH	0,005
7.27	Hàm lượng heptachlor và heptachlor epoxide ⁽¹⁾ Heptachlor and heptachlor epoxide content	µg/L	US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270E	0,001	-	-
	+ Heptachlor	µg/L		-	KPH	0,005
	+ Heptachlor epoxide	µg/L		-	KPH	0,005
7.28	Hàm lượng lindane (γ-HCH) ⁽¹⁾ Lindane (Gamma- HCH) content	µg/L	US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270E	KQĐ	KPH	0,005

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-05634BMT5/4
(MT.2025.05804)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025
Trang/ Page 05 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 09:2023 /BTNMT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.29	Phenol ⁽¹⁾ Phenol content	mg/L	US EPA 3510C + US EPA 3650B + US EPA 8270E	0,001	KPH	0,0001
7.30	Hàm lượng Diazinon ⁽¹⁾ Diazinon content	µg/L	US EPA 3510C + US EPA 3620C + US EPA 8270E	0,02	KPH	0,005
7.31	Hàm lượng Parathion ⁽¹⁾ Parathion content	µg/L	US EPA 3510C + US EPA 3620C + US EPA 8270E	0,06	KPH	0,005
7.32	Hàm lượng tetrachloroeten ⁽¹⁾ Tetrachloroethene content	mg/L	US EPA 5021A	0,01	KPH	0,003
7.33	Hàm lượng 1,1,1-trichloroetan (C ₂ H ₃ Cl ₃) ⁽¹⁾ 1,1,1-trichloroethane content	mg/L	US EPA 5021A	0,15	KPH	0,005
7.34	Hàm lượng trichloroeten ⁽¹⁾ Trichloroethene content	mg/L	US EPA 5021A	0,03	KPH	0,005
7.35	Hàm lượng benzen ⁽¹⁾ Benzene content	mg/L	US EPA 5021A	0,015	KPH	0,002
7.36	Hàm lượng toluen ⁽¹⁾ Toluene content	mg/L	US EPA 5021A	1	KPH	0,005
7.37	Hàm lượng ethylbenzen ⁽¹⁾ Ethylbenzene content	mg/L	US EPA 5021A	0,45	KPH	0,005
7.38	Hàm lượng xylen ⁽¹⁾ Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	0,75	-	-
	+ o-xylen	mg/L		-	KPH	0,005
	+ m-xylen	mg/L		-	KPH	0,01
	+ p-xylen	mg/L		-	KPH	0,01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-05634BMT5/4
(MT.2025.05804)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2025

Trang/ Page 06 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 09:2023 /BTNMT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.39	Hàm lượng amonium (NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽¹⁾ Amonium nitrogen content	mg/L	TCVN 6179- 1:1996	1	KPH	0,05
7.40	Tổng số coliform ⁽¹⁾ Total coliform	MPN/10 0 mL	SMEWW 9221B:2023	3	< 1,8(***)	-
7.41	Escherichia coli ⁽¹⁾	MPN/10 0 mL	SMEWW 9221B&F:2023	Không phát hiện	< 1,8(***)	-

Ghi chú/ Notice:

(***): Kết quả được biểu thị < 1,8 MPN/100 mL khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp/ The result is expressed as < 1,8 MPN/100mL when these is no positive tube in the three consecutive dilutions.

⁽¹⁾: Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078./ The characteristics are based on VIMCERTS 078 certificate.

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 09:2023/BTNMT : Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước dưới đất/ National technical regulation on ground water quality

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

